

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-PT
Ngày: 07/4/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán và vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tổ Giang.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Ngọc Tuấn;
ông Lê Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2021/TLPT-DS ngày 24/12/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 208/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2022/QĐ-PT ngày 21/02/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà A (M), sinh năm 1959; nơi cư trú: số 225, khóm X, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà B, sinh năm 1948, có mặt;

2. Bà C, sinh năm 1975, vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: Tổ 13, ấp P, xã N, huyện E, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: bà B, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà A trình bày:

Nguyên vào cuối tháng 11 năm 2017 (âm lịch), bà B và con bà B là C có thỏa thuận mua của bà A đồ trang sức với số tiền là 10.135.000 đồng, khi mua bà B và bà C hẹn 01 tháng sau sẽ trả. Nhưng từ đó đến nay bà B và bà C chỉ trả cho bà A được 6.000.000 đồng còn nợ lại 4.135.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 26 tháng 12 năm 2018 (dương lịch) bà B và bà C có hỏi mượn của bà A số tiền 18.800.000 đồng, mục đích mua đồ. Nhưng từ đó đến nay cũng không trả số tiền trên.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B, bà C cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ mua trang sức là 4.135.000 đồng và tính lãi 0,82%/tháng tính từ cuối tháng 11 năm 2017 (âm lịch) đến cuối tháng 01 năm 2021 tạm tính là 1.288.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày xét xử.

Ngoài ra, bà A còn yêu cầu bà B và bà C cùng liên đới trả số tiền vay 18.800.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0,82%/tháng tính từ ngày 26 tháng 12 năm 2018 (dương lịch) đến cuối tháng 02 năm 2021 tạm tính là 4.008.000 đồng và lãi phát sinh cho đến ngày xét xử.

Tại biên bản hòa giải ngày 25 tháng 6 năm 2021 bà A xác định rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà C, không yêu cầu bà C liên đới trả nợ cho bà. Xác định bà B còn nợ bà 21.435.000 đồng.

Bị đơn bà B trình bày: trước đây bà và bà A có làm ăn, mua bán túi xách, giày dép, bà A ra tiền, bà ra công, lãi chia đôi. Lần cuối cùng hợp tác thì bà và bà A đi mua hàng nhưng bán không được, bà A đòi chia tiền, bà không có tiền đưa, bà A thừa bà ra Ban áp, tại Ban áp P, xã N, huyện E, tỉnh An Giang, bà hứa trả 10.135.000 đồng trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả được 03 tháng là 3.000.000 đồng (đưa Ban áp tên Trần Quốc Việt), còn lại 7.135.000 đồng. Tiếp tục trả thêm 3.000.000 đồng, còn nợ 4.135.000 đồng. Bà thừa nhận còn nợ bà A số tiền này.

Ngoài ra, bà còn nợ bà A 800 USD, quy ra tiền Việt Nam là 18.800.000 đồng. Tiền này bà trả được 3.100.000 đồng và tết năm 2020 bà có trả thêm 500.000 đồng, vậy ra 3.600.000 đồng. Nên bà còn nợ bà A 15.200.000 đồng.

Bà đồng ý trả vốn 4.135.000 đồng và 15.200.000 đồng, tổng cộng số tiền 19.335.000 đồng, bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi dứt số tiền này, thời điểm bắt đầu trả vào ngày 20/6/2021. Và không đồng ý trả lãi.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 bị đơn C có văn bản trình bày ý kiến như sau: Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A, bởi vì tất cả các giao dịch giữa bà B và bà A bà đều không biết, không ký nhận giấy tờ mua bán, vay mượn với bà A.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Sau nhiều lần Hội đồng xét xử hỏi để xác định rõ số tiền còn nợ thì nguyên đơn bà A đồng ý theo số tiền mà bà B đã trình bày là 19.335.000 đồng, bà còn bổ sung nếu bà B trả dứt điểm 01 lần vào ngày 01/10/2021 thì bà không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa hôm nay bà B không đồng ý trả nợ 01 lần thì yêu cầu tính lãi từ ngày 01/9/2019 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất 0,82%/tháng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả xong nợ.

- Bị đơn bà B thừa nhận bà chỉ còn nợ nguyên đơn bà A 19.335.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ vì đây là nợ do hợp tác làm ăn thua lỗ, bà cho rằng bà mệt không muốn trả lời câu hỏi của Hội đồng xét xử, bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các chứng cứ và lời khai bà đã nộp cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 208/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà A đối với bà C.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà B có trách nhiệm trả cho bà A số tiền vốn, lãi là 23.140.128 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2021, bà B kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo - bà B - là bị đơn trong vụ án trình bày: bà còn nợ bà A số tiền 19.335.000 đồng, nhưng do tuổi cao, không có khả năng trả một lần nên xin trả dần mỗi tháng 01 triệu đồng, yêu cầu không tính lãi suất.

Nguyên đơn bà A trình bày: nếu bà B trả một lần số tiền còn nợ là 19.335.000 đồng thì không tính lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tính hợp pháp của kháng cáo: bà B thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử. Các đương sự, người tham gia tố tụng khác cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với Bản án sơ thẩm có kháng cáo: bà A khởi kiện yêu cầu bà B, bà C trả số tiền vay 21.435.000 đồng, và lãi suất 0,82%/tháng từ ngày 01/9/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Sau đó, rút yêu cầu khởi kiện đối với bà C.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bà A và bà B thống nhất bà B còn nợ tiền mua bán là 4.135.000 đồng, nợ tiền vay là 15.200.000 đồng, tổng cộng là 19.335.000 đồng. Bà B xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng bà B không thực hiện. Như vậy, giao dịch giữa các bên là thỏa thuận, tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật

tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà A khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền 19.335.000 đồng là có căn cứ.

Bà A yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/9/2019 đến ngày 30/9/2019 với mức lãi suất 0,82%/tháng là phù hợp nên cấp sơ thẩm buộc bà B có trách nhiệm trả tiền lãi là 3.805.128 đồng, tổng cộng vốn lãi là 23.140.128 đồng là có căn cứ.

Đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của bà A đối với bà C, cấp sơ thẩm đình chỉ là phù hợp.

Bà B kháng cáo xin không đóng tiền lãi và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không được bà A đồng ý. Bà B cũng không cung cấp chứng cứ mới để chứng minh nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Bà B là người cao tuổi nên đề nghị miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 208/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà B kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ B mà vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung

[2.1] Tại giai đoạn sơ thẩm, bà A đã rút yêu cầu khởi kiện đối với bà C nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

[2.2] Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 29/8/2019 của Văn phòng ấp P, xã N, huyện E, tỉnh An Giang và Biên bản đối chất ngày 25/6/2021, Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang; bà B và bà A thừa nhận có xác lập giao dịch mua bán và vay tiền. Bà B nợ bà A tổng cộng 25.935.000 đồng gồm nợ vay là 18.800.000 đồng và nợ mua bán trang sức là 7.135.000 đồng. Bà B đã trả 6.600.000 đồng, còn nợ bà A số tiền 19.335.000 đồng gồm nợ vay là 15.200.000 đồng và nợ mua bán trang sức là 4.135.000 đồng.

Xét thấy, các giao dịch giữa bà A và bà B là thỏa thuận, tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà A khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền 19.335.000 đồng và lãi suất 0,82%/tháng từ

ngày 01/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Mức lãi suất 0,82%/tháng không vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A là có cơ sở.

[2.3] Các đương sự thừa nhận bà B trả tiền cho bà A vào 01/9/2019 cho đến nay thì ngưng không trả nữa, nên xác định thời điểm bắt đầu tính lãi là 01/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 30/9/2021 là 24 tháng, số tiền lãi được tính như sau:

$$19.335.000 \text{ đồng} \times 0,82\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 3.805.128 \text{ đồng}.$$

Tổng cộng vốn, lãi: 19.335.000 đồng + 3.805.128 đồng = 23.140.128 đồng. Đây là số tiền bà B có trách nhiệm phải trả cho bà A.

[2.4] Bà B kháng cáo xin trả dần 01 tháng là 1.000.000 đồng và không trả lãi nhưng không được bà A chấp nhận; mặt khác, bà B cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét để chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện E như Viện kiểm sát đề nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: bà B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận kháng cáo của bà B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 208/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà A đối với bà C.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà B có trách nhiệm trả cho bà A số tiền vốn, lãi là 23.140.128 (B mươi ba triệu một trăm bốn mươi ngàn một trăm B mươi tám) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Bà B được miễn toàn bộ tiền án phí.

- Bà A được nhận lại 708.000 (bảy trăm lẻ tám ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008796 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án huyện E.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND huyện E (1);
- THADS huyện E (1);
- Văn phòng (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Tòa Dân sự (1);
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang